

Bản án số: 608/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/12/ 2020

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân :

1/ Ông Vũ Ngọc Tiến

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 477/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2020, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/11/2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 1/20 Hồ Thị Kỷ, Phường A, Quận B Thành phố C.

Bị đơn: Ông Hứa Bội M, sinh năm 1973

Địa chỉ: 1/20 Hồ Thị Kỷ, Phường A, Quận B Thành phố C.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2020, trong quá trình tố tụng và tại bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông M tự nguyện chung sống từ năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận kết hôn 18-90, quyển số 01, ngày 14/03/1990).

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông M phát sinh tình cảm khác bên ngoài, Bà H phát hiện đã gần 2 năm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát. Sự quan tâm chăm sóc vợ chồng hằng ngày là không có, vợ

chồng không còn tình cảm thương yêu nhau. Nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà H xin được ly hôn với ông M.

Về con chung: có 03 con chung, Hứa Hoàng P, sinh năm 1994, Hứa Hoàng Y, sinh năm 1997, Hứa Hoàng A, sinh năm 1999. Các con chung đều đã thành niên.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai không có

Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại bản tự khai, bị đơn ông Hứa Bồi M trình bày: Vợ chồng chung sống và kết hôn đúng như Bà H trình bày. Ông M cho rằng tất cả các mối quan hệ bên ngoài chỉ là làm ăn chung với nhau chứ ông không phát sinh tình cảm với ai khác. Ông M khai còn rất yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung, Hứa Hoàng P, sinh năm 1994, Hứa Hoàng Y, sinh năm 1997, Hứa Hoàng A, sinh năm 1999. Các con chung đều đã thành niên.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông M khai không có.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên, hòa giải không thành nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18-90, quyển số 01, ngày 14/03/1990 của Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Hứa Bồi M và bà Nguyễn Thị H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay Bà H yêu cầu ly hôn là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông M hiện đang cư trú tại địa chỉ 1/20 Hồ Thị Kỷ, Phường A, Quận B Thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Hứa Bồi M là hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của Bà H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được, Bà H trình bày, vợ chồng sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông M không quan tâm, chăm sóc gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một xa cách. Bản thân ông M xác định còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được biện pháp hàn gắn hay hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Tại đơn tường trình mâu thuẫn gia đình của Bà H có hàng xóm làm chứng ký nhận cũng như tổ trưởng, tổ phó tại địa phương xác nhận gia đình Bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tình trạng vợ chồng rất tồi tệ. Mặc khác, Bà H và ông M trước đây đã từng nộp đơn xin ly hôn vì được động viên hòa giải nên cả hai đã rút đơn về chung sống đoàn tụ, nhưng đến nay vẫn không khắc phục được nên Bà H nộp đơn xin ly hôn là có cơ sở xem xét chấp nhận.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nay Bà H xin ly hôn ông M là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: có 03 con chung, Hứa Hoàng Phụng, sinh năm 1994, Hứa Hoàng Yến, sinh năm 1997, Hứa Hoàng Anh, sinh năm 1999. Các con chung đều đã thành niên nên Tòa án không giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung: Cả hai cùng khai tự thỏa thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 5, khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn :

Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn Ông Hứa Bồi M.

Về con chung: Đã thành niên.

Về tài sản chung: Bà H, ông M đều khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà H chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0014108 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND P3Q5;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Nhàn